

Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

Tác Giả: Chu Dau

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 10:23

Trong nước, hiện tượng dùng chữ nghĩa khác do CS Bắc Việt du nhập vào miền Nam, lai căng với những từ ngữ mới cho rất ngô nghê và xa lạ đối với phần đông dân chúng.

Với chữ trong ngôn ngữ, tập đoàn CS nắm quyền đã làm cho tiếng thuở trước Việt quá mức trở thành thô tục (như: "xử lý" dùng cho "nhà báo", "nhà" dùng cho "nhà vệ sinh", hay "lính thực đánh b" dùng cho "thực quân lực chiến" v. v... , và đưa ra những từ sai lệch với nguyên nghĩa.

Ngôn ngữ thay đổi theo thời gian, theo sinh hoạt xã hội mỗi ngày, từ những đổi mới của đời sống, từ những nhu cầu văn minh người quốc mà ngôn ngữ dần dần chuyển biến. Những chữ mới được tạo ra, những chữ gốc liên với hoàn cảnh sinh hoạt xưa cũ đã quá thời, dần dần biến mất. Các chữ liên những áng văn theo cách đây chừng năm mươi năm trước, ta thấy những cách nói, những chữ khác xa lạ, vì không còn được dùng hàng ngày. Những thay đổi này thường làm cho ngôn ngữ trở nên sinh động hơn, giàu có hơn, tuy nhiên, trong tiếng Việt những chữ năm gần đây đã có những thay đổi rất kém. Ban đầu những thay đổi này chỉ giới hạn trong phạm vi Bắc vĩ tuyến 17, nhưng từ sau ngày chuyển giao toàn cõi miền Việt Nam, 30 tháng 4 năm 1975, nó đã xâm nhập vào ngôn ngữ miền Nam.

Rồi, đầu tiên thay, rồi tiếp tục xâm nhập vào tiếng Việt của người Việt ở hải ngoại. Những người ta thu nhận theo các thay đổi xưa cũ một cách lờ mờ, không suy nghĩ, rồi từ đó nó trở thành một phần của tiếng Việt hôm nay. Những thay đổi này hay và tốt thì là điều đáng mừng; Những than ôi, hiện tượng những thay đổi này là những thay đổi xấu, đã không làm gì cho ngôn ngữ dân tộc mà còn làm tiếng nước ta trở nên tối tăm.

Thế những đưa vào đâu mà nói đó là những thay đổi xấu? Nếu sự thay đổi đưa lại một chữ Hán Việt để thay thế một chữ Hán Việt đã quen dùng, thì đây là một thay đổi xấu, nếu dùng một chữ Hán Việt để thay thế một chữ Việt thì lại càng xấu hơn. Bởi vì nó sẽ làm cho câu nói trở đi trở lại tiếng Việt vốn dĩ những tiếng Việt hiện là tiếng Hán Việt. Nhưng là những tiếng Hán Việt này được mang vào tiếng Việt chỉ vì người Trung Hoa bây giờ đang dùng chữ này. Nếu sự thay đổi đưa đưa vào tiếng Việt một từ dùng sai nghĩa, thì đây là một sự thay đổi xấu vô cùng.

Sau đây, chúng tôi xin ghi lại một số từ ngữ (được chọn lọc theo vần abc) mà chữ của CSVN ép

Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

Tác Giả: Chu Dau

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 10:23

dân chúng dùng, để lên, nói lên sai lầm nguyên nghĩa, nghe thô tục, kệ lố và nhảm nhí Tây phương rất nặng, khó có thể chấp nhận:

1. "Buổi đêm". 'Buổi đêm tôi có gặp đồng chí... Tôi xin hứa nay người Việt không bao giờ nói "buổi đêm" nữa, chỉ nói "ban đêm", "ban ngày". "Ban" để chỉ giờ ban ngày là một thời gian khoảng 12 giờ, ban đêm 12 giờ của ngày và ban ngày 12 giờ là 24 giờ. Còn "buổi" thì chúng ta có "buổi sáng", "buổi trưa", "buổi chiều", "buổi tối". Ban ngày có 12 giờ và tôi coi như có 4 buổi, như vậy mỗi buổi có 3 giờ đồng nghĩa Night time, day time khác với morning; noon; afternoon; evening. Chúng ta thường nói: 'Chào ông bạn buổi. Buổi này đây là khoảng ba giờ. Câu nói khác: 'Thật là một buổi buổi. Buổi này đây là có nghĩa một buổi một ngày công. Chẳng ra buổi đêm là làm hỏng tiếng Việt.

2. "Chị tôi" = transform, improve; re-education. Họ không phân biệt "chị tôi tốt đẹp" với "chị tôi tốt đẹp", quan niệm chính trị. Nói : 'Phải dùng cái để cải thiện, khác với 'Trung úy miền Nam bỏ đi tù cải tạo. Nếu muốn chữa cho đất có màu mỡ hơn nên dùng "cải thiện", "cải tiến"... Khoảng 50 năm nay từ "chị tôi" của nước đã hiểu là tù tội!

3. "Cảm giác". 'Xin anh cho biết cảm giác ra sao với hiện tượng đo lường gì cảm thấy để cảm giác quan. Có ngũ giác: xúc giác: sờ chạm, thính giác: một thính, thị giác: tai nghe; vị giác: lưỡi và niêm, khứu giác: mũi ngửi. Đó là các sense organs, còn cảm giác và cảm tưởng; cảm tính (feeling, khác với lý tính) để làm nên vì đó là sensation, impression. Dùng đúng chữ phải là: 'Xin anh cho biết cảm nghĩ, cảm tưởng, với hiện tượng đo lường chính xác hơn là "cảm giác". (Ngoài ra impression còn có nghĩa là ấn tượng, dấu ấn). Chúng ta có thể nói : có cảm giác ghê sợ, nhảm nhí, lố lố, cảm xúc.. một giác xuất phát từ não bộ, tuy cũng do năm giác quan và ảnh hưởng tín hiệu lên óc.

4. "Cầu lông" = Badminton = Một môn thể thao như nhàn nhã giết giờ nghỉ ngơi và thể thao, có giảng dạy cao, dùng vợt như và quỳ cầu có lông vũ, đánh qua lưới trên lưới. Trên thực tế quỳ cầu badminton làm giờ nghỉ ngơi không chỉ bóng lông gà lông vịt nữa. Cách gọi này thô tục quá! Tại sao không gọi là cầu lông vũ hoặc bát-minh-tửn? Người Việt còn như có lẽ đã bắt bà và một đội tá sủa lông, khi họ miêu tả nói: lông quỳ đảo. Bà kể lại, tôi bắt bà Trg. Tg. Khg. một người miền Bắc chữa khéo: 'Chẳng nên gọi là tuy cầu quỳ đảo thì lịch sự, thanh tao hơn'. Sau đây là cách dùng sai lố, nhảm nhí đích tuyên truyền hoặc làm gì đi hoặc tăng mức quan trọng của sự việc.

5. "Chết tiệt": Đây là chữ đang để dùng để chỉ tính chết chóc mà sự nhảm nhí, một đả kích.

Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

Tác Giả: Chu Dau

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 10:23

Người ta dùng chữ này để dịch chữ quality của tiếng Anh. Nghe than ôi! Lỗi không phải là phạm tính, không phải là quality. Lỗi là số nhiều ít, là quantity. Theo Hán Việt Từ Điển của Thiệu Chấn, thì lỗi là: đống, các cái nhỏ cái đống, cái học dùng đống đống u gọi là lỗi của. Vậy tại sao người ta lại cứ nhầm lẫn mỗi dùng một chữ sai và để nhầm lẫn. Không có gì bực mình hơn khi một một tờ báo Việt ngữ nói người nói phải để chữ dùng sai này trong các bài viết, trong các cuốn sách giáo khoa mãi. Muốn nói về tính tốt xấu của món đồ, phải dùng chữ phạm. Bởi vì phạm tính mới là quality. Mình đã có số chữ "phạm chữ" rồi tại sao lại bị quên mà dùng chữ "chữ lỗi". Tại sao lại phải bắt buộc mọi anh cán bộ, cho thêm bộ nội dung của ta.

6. "Cuộc gặp" = meet, run into = hỏi kiến, gặp mặt, gặp gỡ, buổi họp. Nghe "Cuộc gặp" thấy chữ tiếng, chữ a trở nghĩa. Ý hỏi muốn một một cuộc họp kiến tay đôi, một lần gặp gỡ, chữ a hơn là một họp nghị (conference). Nên dùng như thí dụ này: "Bộ trưởng Thái đã hỏi kiến gặp bộ trưởng Lào"...

7. "Cười". Nhà văn Lê Minh Hà đi thăm miền Bắc, công tác ở Đông Đốc, rồi xin thăm bạn ở Đốc, viết trong tập truyện ngắn "Trăng Góa": 'Bạn này chữ a cười', 'chúng tôi cười' đó là thói quen tập vùng của người. Đây không phải là lỗi hành văn mà là lỗi, kiến cách chữ là thói quen dùng sai từ To marry, get married, nhưng người Việt phải nói là: 'Chúng tôi chữ a làm đám cưới; bạn này cười nhau. Câu này lỗi do một vai nói từ thuật, lỗi càng sai nặng nề. Chúng ta chỉ nói "cười và", không bao giờ nói "cười chữ" cả. Chỉ có hai trường hợp dùng để hai chữ "cười chữ". Một là cô gái có lỗi lầm nào đó, nhà gái phải bồi tội, chữ u mới chi phí đám cưới để lấy cho để một một chữ. Hai là nhưng để ngạo thiêu sự, sự dân nào còn theo chữ để mở u học, cô gái cười chữ, vì chàng rất sự thuật về nhà gái. Nhà gái phải trả cho nhà trai trâu, lợn, gà, chiêng để, v.v. để mua rước.

8. "Đi trà" = on a large scale = của lớn, quy mô lớn. Thí dụ: "để ngạo trả trả cây cà phê đi trà". Tại sao không dùng như trước là "quy mô lớn"? Ngoài ra dùng "đi trà" là bắt buộc Trung Quốc. Có thể gây hiểu lầm là "cây trà lớn"!!

9. "Đăng ký" = register = ghi tên, ghi danh. Nghĩa rất đơn giản, nhưng bắt buộc Trung Quốc, chữ dùng Hán-Việt. Câu nói sau đây nghe kiến kiến: 'Tôi đã đăng ký mua khoai mì ở Phố ng...'. Tại sao không dùng "ghi danh", "ghi tên"? "Đăng ký" là một chữ mà người của Công Sản miền Bắc dùng vì tính toán nô người của họ đơn khi toàn chiếm lãnh thổ, họ đã làm cho chữ này trở nên phổ thông kiến kiến. Trước đây, ta đã có chữ "ghi tên" (và "ghi danh") để chữ cùng một nghĩa. Người của họ dùng chữ "đăng ký" để dịch chữ 'register' từ tiếng Anh. Ta hãy dùng chữ "ghi tên" hay "ghi danh" cho câu nói trở nên sáng sủa, rõ nghĩa. Dùng làm chi cái chữ Hán Việt kia để cho có ý nô người của họ!

10. "Đu ra, đu vào" = output, input = cái đu a ra, cái đu a vào, dòng đu n cho vào máy; đu ki n đu a vào máy vi tính. H còn dùng có nghĩa là v n, ho c thì gi , công s c b vào và k t qu c a cu c đu u t đố. Nh ng dùng "đu u ra, đu u vào" nghe thô t c (gi ng nh t b ph n = m t ph n vi c, m t nhóm, t , đã b nhà văn n Kathy Tr n đ p chát, h i: "B ph n gi?" b ph n c a đàn ông, đàn bà). Có th dùng "v n đu u t" và "k t qu s n l ng".



T a đ và hình c a m t bàn tin trên Nhân Dân Đ n T ngày 11-1-2011

11. "Gi i phóng" = liberate, emancipate/ free, relieve, release = gi i t a, x , th , tr t do T gi i phóng ch nên dùng cho con ng i, không dùng cho loài v t, đ t, v n... H l m đ ng t gi i phóng, nghe không thu n tai và sai nghĩa. Thí d : ' Đã gi i phóng (gi i t a) xong m t b ng đ xây đ ng nhà máy; Anh công an l u thông tích c c công tác đ gi i phóng (gi i t a) xe c ; Em X gi i phóng (th) con chó !! Nh ng câu sau đây m i là dùng đúng cách: 'phong trào gi i phóng ph n ; Công cu c gi i phóng nô l .'.

12. "Hi n th " 'Ch c n n nút thì m i nhu c u s đ c hi n th trên máy tính...' (appear on screen). T i sao không nói "s th y hi n rõ trên máy".

13. "Hùng hi m" ' Đ a th n i đó r t hùng hi m...' hùng vĩ = hi m tr (majestic greatness + dangerous).

14. "Kh năng": Ch này t ng đ ng v i ch ability trong tiếng Anh, và ch đ c dùng cho ng i, t c là v i ch t có th t gây ra hành đ ng đ ng theo ch ý. Tuy nhiên hi n nay Vi t nam ng i ta dùng ch "kh năng" trong b t k tr ng h p nào, t o nên nh ng câu nói r t k c c. Ví d thay vì nói là 'tr i hôm nay có th m a, thì ng i ta l i nói: 'tr i hôm nay có kh năng m a, nghe v a n ng n , v a sai. "Có kh năng": Đây là cách s đ ng r t Tây, thí d : 'Hôm nay th i ti t có kh năng m a, chúng ta t m ch p nh n (sao không nói gi n đ là: "Hôm nay tr i có th m a" ?). Thí d này khó ch p nh n: 'H c sinh X có kh năng không đ t đ i m t t nghi p'. Có kh năng là ability; aptitude; capacity và luôn luôn dùng tr ng thái tích c c (positive), không bao gi dùng v i tr ng thái tiêu c c (negative). Nh ng câu sau đây nghe r t ch ng: 'B nh

Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

Tác Giả: Chu Dau

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 10:23

nhân có khả năng bôn hôn mê'. 'Đích có khả năng bôn tiêu diệt..' v.v...

15. "Khả thi" = fisible, applicable; ability to carry out = có thể thực hiện được, có thể thi hành được. "Khả thi" và "bắt khả thi" cũng chủ yếu thuộc ngôn ngữ của Trung Quốc. Sao không dùng: "không thực hiện được" hay "không thực hiện nổi". Ngoài ra "khả thi" sẽ đưa đến sự hiểu lầm là "có thể đi thi được".

16. "Khẩn trương": Trước năm 1975 chúng ta đã có những ngôn ngữ lính của người, khi họ dùng chủ này thay thế chủ 'nhanh chóng'. Những than ôi, ngày nay vẫn còn những người ở Việt Nam (và cả một số người sang Mỹ sau này) vẫn vô tình làm thoái hóa tiếng Việt bằng cách bắt chủ 'nhanh chóng' để dùng chủ 'khẩn trương'. Đáng lẽ phải nói là: 'Làm nhanh lên' thì người ta nói là: 'làm khẩn trương lên'.

17. "Khẳng định". Thói quen dùng động từ này bắt đầu từ những: 'Điền viên X đã khẳng định được tài năng. Động chí A khẳng định với trí giám đốc'. Khẳng định; xác định, xác nhận = affirm và confirm có nghĩa gần giống nhau, ngoài nghĩa theo luật pháp có nghĩa là phê chuẩn, chuẩn y. Tuy nhiên âm thanh của khẳng định nghe nặng nề.

18. "Kích cầu" = to level the bridge/ needing to stimulate = nhu cầu để kích thích/ nâng cao cái cầu lên. Có hai nghĩa cầu hàm ý là chủ xúc tác, kích thích từ khi nào sẽ việc tiến hành. Cách dùng hiện tại: Bên công chánh có lẽ dùng những con đường để nâng cao cái cầu giao thông lên. Tại sao không dùng "kích thích từ", "chủ xúc tác" như trước?

19. "Làm rõ" 'Công an Phường 16 đang làm rõ việc này. Làm rõ=clarify, cần làm rõ vì có sự mù mịt, chủ minh bạch, ngoài còn có nghĩa gần như nói cho rõ, đính chính. Đúng nghĩa phải là đi tra = investigate. Cách sử dụng từ làm rõ cũng giống như làm việc (với công an) chủ nhậm xóa bắt sự ghê sợ, hãi hùng của người dân khi phải tiếp xúc với công an của người. Họ cần tránh những động từ như "đi tra", "khai báo", "trình diện" v.v...

20. "Liên hệ": Cũng từ miền Bắc, chủ này lan khắp nước và nay cũng tràn ra ngoài ngoi Liên hệ là có chung với nhau một nguôn gốc, một đặc tính. Người của người Việt Nam dùng chủ liên hệ để nói chuyện, đàm thoại. Tại sao không dùng chủ Việt là 'nói chuyện' cho đúng và gần gũi. Chủ liên "hệ" sang tiếng Anh là 'to relate to', chủ không phải là 'to communicate to'.

21. "Ngài": 'Bà' tiếng ngoi giao ta đã gặp Ngài Brown thì tiếng thành phố San Francisco. Ngài là Sir, một tiếng và của Hoàng gia nước Anh ban cho một nhân vật nào đó. Sir có thể dịch ra là Hiệp sĩ, cũng có thể là Knight = Hộ tước xu hướng đến tông Nam tước = Baronet. Theo nghĩa thì "ngài" là một từ dùng để xưng hô và là một từ tôn xưng như cha, ông bà, bác, chú. Trong cả hai tiếng hợp câu trên đều sai. Ông W. Brown của bao giờ được Nữ hoàng Anh trao tặng tước hiệu Sir. Theo lịch xưng hô chính thức ngoại giao của Mỹ và theo lịch Việt Nam, không nên gọi ông W. Brown là Ngài viết hoa. Theo lịch xưng hô chính thức của Mỹ, trên văn thư phải là:

The Honorable ..W. Brown

Mayor of San Francisco

Hình thức chào hỏi:

Sir:

Dear Mayor Brown

Như thế gọi một ông thì tiếng Mỹ là Ngài đã hoàn toàn sai.

Qua sách báo từ sau 1954, miền Bắc dùng sai và làm đau lòng Ngài.

Cách dùng từ như từ tôn xưng quá đáng gọi là chức ngoại quốc, thì thì là để chế diễu, khôi hài các nhân vật trong khi từ do dân chế, và ở miền Nam, thí dụ: Ngài đi úy, ngài thiêu tá ngay cả có dờ hờ đã gọi Thiệu tước Nguyễn Cao Kỳ là Nguyên soái! Từ sau 1954, trong miền Nam gọi như không bao giờ chúng ta thấy xuất hiện từ Ngài! Chế độ công sự từ như là vô sự, đánh phong kiến, diệt quan lại, như nay hay là quan lại, phong kiến hay ai hay. Chế độ qua từ tôn xưng Ngài và họ còn từ như và gọi các cán bộ và nhân vật quan trọng ngoại quốc là

Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

Tác Giả: Chu Dau

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 10:23

Quan chức. Quan chức = officials, có thể dịch là "viên chức", hay "giới chức ngoại giao", "nhân viên chính phủ", "phái đoàn ngoại giao", v.v...

22. "Nghệ nhân": Ta vẫn gọi những nghệ sĩ này là 'nghệ sĩ'. Mặc dù đây cũng là tiếng Hán Việt, những nghệ sĩ Táu không có chữ "nghệ sĩ", họ dùng chữ "nghệ nhân". Có những nghệ sĩ tiếng ráng chữ 'nghệ nhân' cao hơn chữ 'nghệ sĩ', họ đâu biết rằng nghĩa cũng như vậy, mà sá dĩ nghệ sĩ cũng sán Việt Nam dùng chữ 'nghệ nhân' là vì tinh thần nô lệ Trung Hoa.

23. "Quản lý" = management = quản trị, chịu trách nhiệm. Bộ tịch Trung Quốc và bá máng. Nói: 'Anh X quản lý một xí nghiệp' thì đúng, nhưng câu sau 'nhái lại khi hỏi 'Anh sá xây dựng và quản lý xí nghiệp, và quản lý đời anh...'. "Quản lý" chỉ dùng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mái, hành chính. "Quản lý" không dùng cho lĩnh vực tình cảm đời sống, tình cảm không phải là một lô hàng, không phải là một xí nghiệp.

24. "Sá háu". 'Mái quan hệ Việt-Mách là sá háu. Sá háu + bạn mới quen, mới làm bạn (new friendship). Tại sao không nói: 'Mái quan hệ Việt-Mách là bạn mới quen'...?

25. "Sá cô": "Sá cô ká thuát": tại sao không dùng chữ váa gián dá váa phổ thông trước đây như 'trángái hay 'trángái ká thuát' hay gián dá hán là chữ 'háng'? (Nói 'xe tôi bá háng' rõ ràng mà gián dá hán là nói 'xe tôi có sá cô').

26. "Tai nạn xã hội". 'Tai nạn xã hội xảy ra khá nhiều trên đường phố này, tai nạn + tội xã hội (accident + social crime/evil). Cách ghép như vậy

27. "Thành viên" = member = theo cách nói và viết thông thường là một người trong một tổ chức, hội đoàn, nhóm nào đó. Không thể dùng "thành viên" cho một cá nhân trong gia đình đời sống. Thí dụ sau đây nghe rất Tây: 'Các thành viên trong họ đó có cha, mẹ và hai con/ Bé Năm là một thành viên trong gia đình...'. Tại sao không nói: 'Trong gia đình đó có cha, mẹ và hai con/ Bé Năm là một đứa con trong gia đình...'. Thí dụ sau đây mới là dùng đúng: 'Má là thành viên trong Hội đồng Bộ An Liên Hiệp Quốc có quyán pháp quyát ..'

28. "Tham quan": đi thăm, đi xem thì nói là đi thăm, đi xem cho rồi tại sao lại phải dùng cái chữ

Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

Tác Giả: Chu Dau

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 10:23

này của người T u! Sao không nói là 'Tôi đi Nha Trang ch i, 'tôi đi thăm lăng Minh M ng', mà i ph i nói là 'tôi đi tham quan Nha Trang', 'tôi đi tham quan lăng Minh M ng'.

29. "Tháng m t; tháng m i hai". Hiện nay i Việt Nam trong tr ng h c h không d y h c sinh "tháng giêng" và "tháng ch p" n a. Tháng giêng và tháng ch p là cách g i r t Việt Nam. L ch in i Việt Nam ghi tháng m t là tháng giêng c . T x a đ n nay chúng ta v n g i tháng đ u năm âm l ch là "tháng giêng", tháng th 11 là "tháng (m i) m t" và tháng cu i năm là "tháng ch p". G i là tháng ch p là do tháng cu i năm âm l ch có nhi u l , trong đó có l ch p. Ca dao đã có câu:

"Tháng ch p là ti t tr ng khoai

Tháng giêng tr ng đ u tháng hai tr ng cà"

Tháng th 11 âm l ch g i là "tháng m t" d l m l n v i tháng giêng, nên đã t m b . Nh ng g i tháng January d ng l ch là "tháng m t" nghe không n, ph i g i là tháng giêng. Còn tháng December g i là tháng m i hai, không có v n đ . Nh ng h c có d y cho h c sinh ti u h c hi u r ng mu n ch tháng th 12 trong năm âm l ch b t bu c ph i g i là tháng ch p không?

30. "Th ng nh t". 'Tôi đã xu ng huy n th ng nh t đ ng chí X .' Câu này m c hai l i. Th nh t thi u t liên t v i, th nh i là th ng nh t đ u gì, chuy n gì. Th ng nh t (unify; unified). Tr ng h p này ph i nói là "đ ng ý" v i; "nh t trí" v i.

31. "Th nh t, th nh i". T x a theo cách đ m s , chúng ta có con s th ng (cardinal number) nh 1.2.3.4 và s th t (ordinal number) th nh t, th nh i. Hiện nay h d ng nh không a dùng s th t và g i th nh i là th hai. Ch second; deuxième là "th hai" d l m l n v i "th hai" = Monday. Trên sách báo ch th y vi t: m t là; hai là. Nh th ch riêng n c Việt Nam không c n đ n s th t (ordinal number) n a sao ?

32. "T ng thích". Giá c đó t ng thích v i ch t l ng m t hàng...' t ng đ ng = thích h p (equal = appropriated). Cách ghép n i g ng gao.

33. "Tranh th": Thay vì dùng m t ch v a rõ ràng v a gi n d là ch 'c g ng', t cái t sính dùng ch Hán Việt c a ng i c ng s n, ng i ta l i dùng m t ch v a n ng n v a t i nghĩa là ch 'tranh th'. Thay vì nói: 'anh hãy c làm cho xong vi c này tr c khi v , thì ng i ta l i nói: 'anh hãy tranh th làm cho xong vi c này tr c khi v .

34. "Trao đ i" = exchange = theo nghĩa c a h là nói chuy n, đ i tho i, h i tho i. Cách dùng ch u nh h ng n ng Tây ph ng. Trao đ i theo đúng nghĩa là đ i chác 'ông đ a cái giò, bà thò chai r u. H ch u nh h ng Tây ph ng quá n ng, vì trao đ i ch áp đ ng cho hàng hóa (giao th ng) hay con ng i. Thí d : 'Hai n c trao đ i lãnh s , trao buôn bán, m u đ ch'. K i u và Kim Tr ng đã trao đ i quà t ng tình yêu cho nhau. Không bao gi trao đ i l i có nghĩa là nói chuy n, đ i tho i. Thí d sau đây cho th y cách dùng sai l c: 'Anh Phillippe Jamet đang trao đ i v i m t bé gái Việt Nam...'. Trao đ i gì? Quà t ng gì? Trao đ i không bao gi có nghĩa là converse, talk to, ch là exchange thôi.

35. "Tr ng th": Coi tr ng (show consideration for/ attach important to) trong t đ i n ghi là m t t cũ, không hi u sao l i đ c dùng tr l i. Thí d : "Chúng ta ph i tr ng th y u t đó". C nôm na nói: 'Chúng ta ph i coi tr ng y u t đó là đ và gi n d r i.

36. "Trúng th ng" = reward, award. Th nào gi là th ng? Th ng là th ng cho nh ng cá nhân hay t p th có công, tài gi i, đ t thành tích cao .. Th ng đi đôi v i ph t. V y không th nói : 'Mua hàng s đ c trúng th ng.../ Anh X trúng th ng x s thành ph X. đ c 50 tri u ' Đó ch là quà t ng, bi u không, không ph i là th ng, và ch là trúng x s ch không lĩnh th ng. X s là hình th c đánh b c, nên gi tránh đi là trúng th ng (Th t là mâu thu n, trong khi đó h b ti n ra mua máy đánh b c đ t trong các khách s n l n!!)

37. "Trúng tuy n" (nghĩa v quân s) = select, choose/ recruit. Chúng ta v n nói và vi t "tuy n sinh", "tuy n quân", "tuy n m ", "tuy n đ ng"... Nh ng nói : "trúng tuy n nghĩa v " th t là khôi hài. Nghĩa v quân s là thi hành quân đ ch, đ n tu i ph i đi, b t bu c ph i đi, không có chuy n trúng tuy n hay không đ c tuy n (nên dùng theo nghĩa x u ch có dân nghèo, không có ti n đút lót và không ph i là con cán b cao c p, m i b trúng tuy n).

38. "T li u": Tr c đây ta v n dùng ch "tài li u", r i đ làm cho khác mi n Nam, ng i mi n B c dùng ch 't li u trong ý: 'tài li u riêng c a ng i vi t'. Bây gi nh ng ng i vi t t h i ngo i cũng a dùng ch này mà b ch 'tài li u', m c dù nhi u khi tài li u s đ ng l i là tài li u đ c

trong th< vi> n ch< ch< ng ph< i là tài li< u riêng c< a ông ta.

39. "V< trí" = place/ position/ job, task = ch< đ< ng, v< th< / n< i ch< n/ vi< c làm, trách v<. Nh< ng h< dùng "v< trí" cho luôn c< nghĩa là "trách v<", "vi< c làm". Câu nói sau đây là sai: 'Anh A đã thay anh B công tác < v< trí k< toán tr<> ng'. Nên nói: 'Anh A đã thay anh B công tác < trách v< k< toán tr<> ng' m< i đúng. Th<> ng th<> ng chúng ta hay dùng: 'Ti< u đ< i A đã chi< m đ<> c m< t v< trí trên cao, t< đó có th< ngăn ch< n đ<> c trung đ< i đ< ch ti< n lên đ< i.

40. "Vùng sâu xa": Vùng r< ng núi, đ< m l< y (highland = swamp area). Đây là cách s< đ< ng ch< tr< n tránh th< c t<. Vùng < trong sâu hi< u là vùng h< o lánh, sinh l< y và vùng xa t< c là vùng trên cao, < xa. Đây là cách dùng m< dân, cũng nh< đ< đ< b< đ< y giáo viên, k< s<, bác sĩ không phe đ< ng, không là con cháu cán b< đ< n ph< c v< n< i kh< ho cò gáy. Ngoài ra "sâu xa" còn gây hi< u l< m v< i 'lòng c< m < n, bi< t < n sâu xa" đã quen dùng tr<> c đây.

41. "Xu< t kh< u", "C< a kh< u": Ng<> i T< u dùng ch< kh< u, ng<> i Vi< t dùng ch< c< ng. Cho nên ta nói "xu< t c< ng", "nh< p c< ng", ch< không ph< i nh< c< ng s< n nh< m m< t theo T< u g< i là "xu< t kh< u", "nh< p kh< u". B< i vì ta v< n th<> ng nói phi tr<> ng Tân S< n Nh< t, phi c< ng Tân S< n Nh< t, h< i c< ng H< i Phòng, giang c< ng Saigon, th<> ng c< ng Saigon. Ch< không ai nói phi kh< u Tân S< n Nh< t, h< i kh< u H< i Phòng, th<> ng kh< u Saigon trong ti< ng Vi< t. Khi vi< t tin liên quan đ< n Vi< t Nam, ta đ< c b< n tin c< a h< đ< l< y đ< ki< n, r< i khi vi< t l< i b< n tin đăng báo hay đ< c trên đài phát thanh t< i sao không chuy< n ch< (x< u) c< a h< sang ch< (t< t) c< a mình, mà l< i c< copy y boong?

42. Còn hai t< n< a b< ng<> i dân mi< n B< c l< m đ< ng vì lây cách dùng c< a cán b< là "b< n thân" và "ch< y< u": "B< n thân" = self, oneself, và "ch< y< u" = main, principal. Qua nh< ng câu chuy< n th<> ng ngày, chúng ta nghe h< dùng hai t< này b< a bãi, sai l< ch: 'Th< c ăn ch< y< u c< a đ< ng bào vùng này là ngô và khoai; Chúng tôi l< y g< o làm ch< y< u đ< qui thành giá tr< trao đ< i. Và: 'B< n thân tôi cũng không tránh kh< i dao đ< ng. B< n thân s< ki< n đó còn nhi< u t< n t< i". Ng<> i ta đã b< quên t< "t< và chính" đ<> c dùng t< x< a đ< n nay, thí đ< : Th< c ăn chính c< a đ< ng bào. Chính tôi cũng không tránh kh< i dao đ< ng; T< thân s< ki< n đó. Hi< n nay đang có phong trào ghép ch< b< a bãi gi< a hai t< Hán-Vi< t + Hán-Vi< t ho< c Hán-Vi< t + Nôm. Thí đ< : "đ< ng thái", "th< tr< ng", "siêu sao", "siêu tr<> ng". Đ< ng thái là hành đ< ng + thái đ< (action + attitude); th< tr< ng là tình tr< ng thân th< (physical form situation); siêu sao = super-star; siêu tr<> ng = super-long. nghe l< tai. Đã đành là ngôn ngữ ch< ng qua ch< là nh< ng <> c hi< u con ng<> i s< đ< ng đ< hi< u nhau, thông c< m nhau. Tuy nhiên nh< ng <> c hi< u đó không đ<> c khó hi< u, bí hi< m, khó nghe, chói tai, k< la.

Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

Tác Giả: Chu Dau

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 10:23

43. Nội dung danh từ kỹ thuật mới: Thứ đi của đi n t, của computer t o ra nội u danh từ kỹ thuật mới, hay mang ý nghĩa mới. Nội dung danh từ này theo số phần bìn r ñng rãi của kỹ thuật đã tr ñ nên thông ñng trong ngôn ngữ hàng ngày. H u h t nh ñng ch ñ này có g c t ñng Anh, b i vì Hoa K ñ là n ñ c ñ tr ñ c các n ñ c khác v ñ kỹ thuật. Các ngôn ngữ có nh ñng ch ñ cùng g c (ti ñng Đ ñ c, ti ñng Pháp) thì v ñ c chuy ñn ñ ch tr ñ nên t ñ nhiên và rõ ràng, nh ñng ngôn ngữ không cùng g c, thì ng ñ i ta ñ a ph ñng hóa nh ñng ch ñ y mà ñùng. Riêng Việt Nam thì làm chuy ñn k ñ c c là ñ ch nh ñng ch ñ y ra ti ñng Việt (hay m ñ n nh ñng ch ñ ñ ch c ñ ng ñ i T ñ u), t ñ o nên m ñ t m ñ ch ñng ñ, ng ñ i Việt ñ c cũng không th ñ hi ñ u nghĩa nh ñng ch ñ y là gì, mà n ñ u h ñ c cho hi ñ u nghĩa thì khi g ñ p nh ñng ch ñ y trong ti ñng Anh thì v ñ n không hi ñ u. Ta hãy nh ñ r ñng, ngay c ñ nh ñng ng ñ i M ñ không chuyên môn v ñ ñi n toán, h ñ cũng không hi ñ u ñch xác nghĩa của nh ñng danh từ này, nh ñng h ñ v ñ n c ñ ch ñ bi ñ t là ch ñ y ñùng ñ ch ñ các v ñ t, các kỹ thuật y, và h ñ ñùng m ñ t cách t ñ nhiên thôi. V ñ y t ñ i sao ta không Việt hóa các ch ñ y mà ph ñ i m ñ t công ñ ch ra cho k ñ c c, cho t ñ i nghĩa. Ông cha ta ñ ñng Việt hóa bi ñ t bao nhiêu ch ñ t ñ ng t ñ, khi ti ñ p xúc v ñ i kỹ thuật ph ñ ng tây c ñ mà. Ví ñ nh ñ ta Việt hóa ch ñ 'pomp' thành 'b ñ m' (b ñ m xe, b ñ m n ñ c), ch ñ 'soup' thành 'xúp', ch ñ 'pharé' thành 'đèn phá', ch ñ 'cycló' thành 'xe xích l ñ', ch ñ 'manggis' (ti ñng Mã Lai) thành 'qu ñ m ñng c ñ t', ch ñ 'durian' thành 'qu ñ s ñ u riêng', ch ñ 'bougié' thành 'bu-gi', ch ñ 'manchon' thành 'đèn m ñng xông', ch ñ 'boulon' thành 'b ñ -long', ch ñ 'garé' thành 'nhà gá', ch ñ 'savon' thành 'xà-b ñng'?

Bây gi ñ ñ c báo, th ñ y nh ñng ch ñ ñ ch m ñ i, thì dù ñó là ti ñng Việt, ng ñ i ñ c cũng v ñ n không hi ñ u nh ñ th ñ ng. Hãy ñuy ñ t qua m ñ t vài danh từ kỹ thuật b ñ ép ñ ch qua ti ñng Việt Nam, nh ñ :

- Scanner ñ ch thành 'máy quét'. Tr ñ i ñ i 'máy quét' ñây, th ñ còn máy lau, máy r ñ a ñâu! M ñ i nghe c ñ t ñ ng là máy quét nhà!
- Data Communication ñ ch là 'truy ñ n ñ li ñ u'
- Digital camera ñ ch là 'máy ñ nh kỹ thuật số'
- Database ñ ch là 'c ñ s ñ ñ li ñ u. Nh ñng ngôn ngữ Việt ñã không bi ñ t database là gì thì càng không bi ñ t 'c ñ s ñ ñ li ñ u là gì luôn.
- Software ñ ch là 'ph ñ n m ñ m', hardware ñ ch là 'ph ñ n c ñ ng' m ñ i nghe c ñ t ñ ng nói v ñ ñàn ông, ñàn bà. Ch ñ 'hard' trong ti ñng M ñ không luôn luôn có nghĩa là 'kho, hay 'c ñ ng', mà còn là 'v ñ ng ch ñ c' ví ñ nh ñ trong ch ñ 'hard evident' (b ñ ng ch ñ ng xác ñáng). Ch ñ soft trong ch ñ 'soft benefit' (quy ñ n l ñ i ph ñ thu ñ c) ch ñ ng l ñ h ñ l ñ i ñ ch là 'quy ñ n l ñ i m ñ m' sao ?
- Network ñ ch là 'm ñ ng m ñ ch'.
- Cache memory ñ ch là 'truy c ñ p nhanh'.
- Computer monitor ñ ch là 'màn hình' hay 'đi ñ u ph ñ i.
- VCR ñ ch là 'đ ñ u máy. (Nh ñ v ñ y thì ñuôi máy ñâu ? Nh ñ v ñ y nh ñng th ñ máy khác không có ñ ñ u ñ). Sao không g ñ i là VCR nh ñ mình th ñ ñ ng g ñ i TV (hay Ti-Vi). N ñ u th ñ thì DVD, DVR thì h ñ ñ ch là cái gì?
- Radio ñ ch là 'cái ñài'. Tr ñ c ñây mình ñã Việt hóa ch ñ này thành ra-đi-ô hay rađô, h ñ c ñ ch là 'máy thu thanh'. Nay g ñ i là 'cái ñài' v ñ a sai, v ñ a k ñ c c. ñài ph ñ i là m ñ t cái tháp cao, trên m ñ t n ñ n cao (ví ñ ñài phát thanh), ch ñ không ph ñ i là cái v ñ t nh ñ ta có th ñ mang ñi kh ñ p n ñ i ñ ñ c.
- Chanel g ñ i là 'kênh'. Tr ñ c ñây ñ ñ ch ch ñ TV chanel, ta ñ ñùng ch ñ ñài, nh ñ ñài số 5, ñài

Nội dung tiếng Việt của người dân trong nước

Tác Giả: Chu Dau

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 10:23

truy n hình Việt Nam, gọi là kênh nghe nh đang nói về m t con sông đào nào đó ở vùng H u Giang!

Ngoài ra, đi về chúng ta, Saigon luôn luôn là Saigon, h n n a ng i dân trong nước về n gọi đó là Saigon. Các xe đò về n ghi bên hông là 'Saigon - Nha Trang', 'Saigon - C n Th trên cu ng vé máy bay Hàng Không Việt Nam ng i ta về n dùng 3 ch SGN đ ch thành ph Saigon. Về y khi làm tin đ b á, t i sao ng i Việt h i ngo i c dùng tên c a m t ... đ g i thành ph thân yêu c a chúng mình?! Đi về Việt Nam tìm đ m t không th y ai không gọi Saigon là Saigon, về y mà ch c n đ c các b n tin, các truy n ng n vi t Hoa K ta th y tên Saigon không đ c dùng n a T i sao ?

Đây ch là m t vài ví d đ nói ch i thôi, ch c theo cái đà này thì ch ng m y ch c mà ng i Việt nói tiếng T u luôn m t! T t nhiên, vì đ ng c ng s n đ c quy n t t c m i sinh ho t Việt nam, nên ta khó có nh h ng vào tiếng Việt đ đ dùng trong nước, nh ng t i sao các nhà truy n thông h i ngo i i c nh m m t dùng theo nh ng ch k c nh th ! Cái khôi hài nh t là nh u về trong gi i này về n th ng nh n mình là giáo s (th ng ch là giáo s trung h c đ nh t c p (ch a đ c nhân) hay đ nh c p Việt Nam ngày tr c, ch ch ng có b ng Ph.D. nào c), hay là các ng i gi ch c này ch c n trong các h i đoàn t cho là có trách nh m về văn hóa Việt Nam ở ngoài nước!

Tr c đây Ph m Qu nh t ng nói: 'Truy n Ki u còn thì tiếng ta còn, tiếng ta còn thì nước ta còn', bây gi Truy n Ki u về n còn mà c tiếng ta l n nước ta l i đ đ đi đ n xu ng h sâu B c Thu c. Than ôi!